|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Số: /TTr-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Hà Nội, ngày tháng năm 2023 |

**DỰ THẢO**

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Khoa học và Công nghệ

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Chương trình công tác của Chính phủ năm 2023, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật KH&CN được Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/6/2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 bao gồm 11 Chương, 81 Điều. Luật KH&CN được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch.

Để triển khai Luật KH&CN, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ ban hành 10 nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 quyết định quy phạm pháp luật và ban hành theo thẩm quyền 51 thông tư. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành nhiều văn bản nhằm triển khai các quy định của Luật KH&CN và văn bản hướng dẫn thi hành trong thực tiễn[[1]](#footnote-1).

Qua thực tiễn gần 10 năm thi hành, Luật KH&CN đã phát huy vai trò to lớn trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động KH&CN. Hành lang pháp lý về KH&CN ngày càng hoàn thiện theo hướng gắn kết và phục vụ trực tiếp cho việc nâng cao chất lượng tăng trưởng; các quy định về tổ chức KH&CN, trọng dụng, sử dụng cá nhân hoạt động KH&CN, quản lý nhiệm vụ KH&CN được hoàn thiện; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; triển khai các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN; nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng cường hội nhập quốc tế.

Trong thời gian gần đây, Đảng ta đã ban nhiều văn bản thể hiện quan điểm, chủ trương mới liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) cần được thể chế hóa; đồng thời qua thực tiễn thi hành thời gian qua cho thấy, Luật KH&CN cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu thực tiễn đặt ra, cụ thể như sau:

**1. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước**

1.1. Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên KH,CN&ĐMST.

- Về quan điểm chỉ đạo, Nghị quyết đã chỉ rõ: *“Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững”.*

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, Nghị quyết đề ra nhiệm vụ: *“Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững”.*

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2023 xác định KH,CN&ĐMST cùng với phát triển toàn diện nguồn nhân lực là một trong các đột phá chiến lược để phát triển đất nước.

- Về quan điểm phát triển: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.”*

- Về đột phá chiến lược: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam.”*

- Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.”*

c) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định*: “ Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất kinh doanh”; “Rà soát, sửa đổi các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH&CN đủ lớn để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.”*

d) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đặt ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo*; *Hoàn thiện* *các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo*.”.

đ) Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định một trong sáu nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện là: *“Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ.”*

1.2. Nội dung KH,CN&ĐMST trong chính sách, pháp luật của Nhà nước

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 đã quy định:

*“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

*2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*

*3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”*

b) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện các nhiệm vụ thúc đẩy KH,CN&ĐMST:

*“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch.”.*

**2. Giải quyết các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật KH&CN**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai Luật KH&CN cũng gặp phải những khó khăn, vướng mắc do một số quy định của Luật không còn phù hợp với thực tiễn hoặc chưa phù hợp với quy định của các luật có liên quan, dẫn đến chưa có tác dụng thúc đẩy phát triển KH&CN với vai trò là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng. Một số tồn tại, bất cập của Luật KH&CN có thể kể đến như: quy định về tổ chức KH&CN công lập chưa thể hiện khả năng tự chủ của tổ chức, hiệu quả hoạt động còn chưa tương xứng; quy định về các chức danh về KH&CN chưa đầy đủ và phù hợp với thực tiễn để có chính sách phù hợp đối với đối tượng hoạt động KH&CN gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp; quy định về sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN chưa đầy đủ; quy định về tổ chức, triển khai nhiệm vụ KH&CN còn phức tạp; một số quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia, quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp khó triển khai do chưa phù hợp với thực tiễn và chưa thống nhất với quy định của pháp luật liên quan; còn thiếu quy định về đạo đức trong nghiên cứu, rủi ro trong nghiên cứu... Đồng thời, Luật KH&CN cũng chưa có quy định liên quan đến quản lý hoạt động ĐMST thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia, thúc đẩy liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp.

Vì vậy, để thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KH,CN&ĐMST trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang ảnh hưởng ngày càng sâu rộng đến các lĩnh vực, đặc biệt là KH,CN&ĐMST thì việc sửa đổi, bổ sung Luật KH&CN trên cơ sở tiếp tục phát huy các điểm mới, tiến bộ và khắc phục các vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động KH,CN&ĐMST là hết sức cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

**1. Mục đích**

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về hoàn thiện pháp luật về KH,CN&ĐMST; khắc phục những vướng mắc, bất cập trong 10 năm thi hành cũng như những bất cập nảy sinh giữa quy định của Luật KH&CN với các văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội ban hành gần đây.

Từ đó, hoàn thiện thể chế về KH,CN&ĐMST theo hướng thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST phù hợp với điều kiện của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Các quy định về KH,CN&ĐMST bảo đảm tính ổn định, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**2. Quan điểm**

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH,CN&ĐMST nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường trong bối cảnh mới.

- Bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hoạt động KH,CN&ĐMST, khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu KH&CN.

- Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong thực tiễn, tạo đột phá để phát triển KH,CN&ĐMST thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để đưa nước ta trở thành quốc gia có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và nước phát triển vào năm 2045 như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã xác định.

- Bảo đảm kế thừa những nội dung phù hợp trong Luật KH&CN 2013; tiếp thu các kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn của Việt Nam.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến: bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng là hoạt động “đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”; nguyên tắc hoạt động KH,CN&ĐMST; chính sách của Nhà nước về phát triển KH,CN&ĐMST; bổ sung nội dung liên quan đến đạo đức, liêm chính học thuật, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong hoạt động KH&CN; sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN, cá nhân hoạt động KH&CN; phương thức thực hiện nhiệm vụ KH&CN; quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đầu tư, tài chính phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST; quy định về Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; chính sách tín dụng đối với hoạt động KH,CN&ĐMST; chính sách về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; chính sách hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST.

**2. Đối tượng áp dụng**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST tại Việt Nam.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Hoàn thiện quy định về thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN, tăng cường quản lý và nâng cao vai trò của tổ chức KH&CN**

*1.1. Mục tiêu của chính sách*

Đáp ứng yêu cầu thực tiễn về công tác quản lý tổ chức KH&CN; tạo điều kiện để tổ chức KH&CN hoạt động đúng mục tiêu, định hướng, phù hợp với mục tiêu quản lý nhà nước.

*1.2. Nội dung chính sách*

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chí phân loại tổ chức KH&CN công lập theo chức năng, nhiệm vụ và theo mức độ tự chủ về tài chính để phù hợp với thực tiễn. Hoàn thiện quy định về tự chủ của tổ chức KH&CN công lập; quy định về số lượng người làm việc trong tổ chức KH&CN công lập.

- Sửa đổi, bổ sung điều kiện thành lập tổ chức KH&CN để nâng cao năng lực của tổ chức KH&CN, đáp ứng được yêu cầu là nơi triển khai hoạt động KH,CN&ĐMST; bảo đảm điều kiện chặt chẽ hơn để đăng ký hoạt động KH&CN; bổ sung quy định về Danh mục các lĩnh vực nghiên cứu KH&CN và Danh mục dịch vụ KH&CN làm cơ sở để tổ chức KH&CN lựa chọn lĩnh vực xin đăng ký và cơ quan cấp giấy chứng nhận xác định lĩnh vực hoạt động KH&CN cấp cho tổ chức.

- Bổ sung quyền góp vốn bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc sở hữu, bổ sung quy định về ưu đãi đối với tổ chức KH&CN như doanh nghiệp KH&CN căn cứ vào mức độ tự chủ; được miễn trừ trách nhiệm trong một số trường hợp để thực hiện quan điểm về chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học.

- Bổ sung quy định về tiêu chí và phương pháp đánh giá tổ chức KH&CN công lập để có giải pháp nâng cao hiệu quả của tổ chức KH&CN, xử lý các tổ chức hoạt động kém hiệu quả.

***1.3. Giải pháp thực hiện***

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các điều, khoản dưới đây của Luật KH&CN:

a) Điều 9. Hình thức và phân loại tổ chức KH&CN

- Khoản 1: bổ sung loại hình tổ chức về đổi mới sáng tạo.

- Khoản 2: Sửa đổi, bổ sung theo hướng tiêu chí phân loại tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thể căn cứ vào hai tiêu chí phân loại: (1) *theo chức năng, nhiệm vụ* (gồm tổ chức KH&CN công lập phục vụ quản lý nhà nước; tổ chức KH&CN công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu; tổ chức KH&CN công lập phục vụ công ích của nhà nước); và (2) *theo mức độ tự chủ về tài chính* (tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; tổ chức KH&CN công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên).

b) Điều 11. Điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN công lập

- Sửa đổi, bổ sung điều kiện thành lập tổ chức KH&CN theo hướng chặt chẽ hơn.

- Bổ sung quy định việc thành lập tổ chức KH&CN công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức KHC&N công lập được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để bảo đảm hệ thống tổ chức KH&CN công lập đồng bộ, thống nhất.

- Bổ sung nội dung để khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện tiến hành đăng ký hoạt động KH&CN; bổ sung quy định về thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN nhằm kiểm soát các tổ chức KH&CN sau khi thành lập và đăng ký hoạt động cần phải được xem xét việc đáp ứng các điều kiện hoạt động.

c) Điều 12. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức KH&CN

- Sửa đổi, bổ sung theo hướng bỏ quy định tại điểm d khoản 1 vì thực tiễn hiện nay không còn tổ chức KH&CN do Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thành lập.

- Bổ sung nội dung: “Chính phủ ban hành Danh mục các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ và Danh mục dịch vụ khoa học và công nghệ làm cơ sở để tổ chức khoa học và công nghệ lựa chọn lĩnh vực xin đăng ký và cơ quan cấp giấy chứng nhận xác định lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ cấp cho tổ chức” vì hiện nay chưa có Danh mục lĩnh vực hoạt động KH&CN nên khó khăn trong việc xác định phạm vi hoạt động của tổ chức KH&CN.

d) Điều 13. Quyền của tổ chức KH&CN

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định số lượng người làm việc hoặc được cơ quan có thẩm quyền giao số lượng người làm việc tại tổ chức KH&CN công lập do hiện nay không còn khái niệm biên chế sự nghiệp và không phải mọi tổ chức KH&CN công lập đều được giao số lượng người làm việc, tùy thuộc vào mức độ tự chủ của tổ chức KH&CN công lập.

- Bổ sung quy định về quyền góp vốn bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc quyền sở hữu của mình của tổ chức KH&CN.

- Bổ sung quy định được miễn trừ một phần/hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi hoàn ngân sách nhà nước trong trường hợp đã thực hiện đúng, đủ quy định pháp luật và quy trình nghiên cứu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phù hợp với trường hợp gặp rủi ro trong nghiên cứu khoa học.

- Bổ sung quy định tùy theo mức độ tự chủ, tổ chức KH&CN được ưu đãi tương tự doanh nghiệp KH&CN nhằm tạo động lực thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, liên kết, thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH&CN.

đ) Điều 14. Nghĩa vụ của tổ chức KH&CN

- Sửa đổi, bổ sung nghĩa vụ của tổ chức KH&CN thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký hoạt động KH&CN, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động KH&CN, các báo cáo theo quy định của Luật KH&CN. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động KH&CN; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

- Bổ sung trách nhiệm của tổ chức KH&CN trong thực hiện hợp đồng KH&CN đã ký kết, nhiệm vụ KH&CN do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; phải duy trì đủ điều kiện đăng ký hoạt động trong suốt quá trình hoạt động; thực hiện hoạt động theo đúng lĩnh vực trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN.

- Bổ sung quy định về việc chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác trong hồ sơ đăng ký hoạt động KH&CN và chế tài đối với tổ chức vi phạm.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức KH&CN bảo đảm quyền lợi của người lao động; cử người làm việc trong doanh nghiệp để tăng cường kết nối viện, trường và doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định về việc cập nhật đầy đủ thông tin về tổ chức, nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

- Bổ sung quy định giao Chính phủ ban hành quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập.

e) Điều 16. Mục đích, nguyên tắc đánh giá, xếp hạng tổ chức KH&CN

Bổ sung nội dung về tiêu chí và phương pháp đánh giá để xác định năng lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức KH&CN.

g) Điều 17. Đánh giá tổ chức KH&CN phục vụ quản lý nhà nước

Sửa đổi, bổ sung quy định về đánh giá tổ chức KH&CN công lập để phục vụ quản lý nhà nước và đổi mới, cải tiến, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức. Bổ sung quy định việc đánh giá được thực hiện hằng năm hoặc định kỳ, quy định về hình thức công bố kết quả đánh giá tổ chức KH&CN làm cơ sở để hỗ trợ kinh phí những năm tiếp theo.

**2. Chính sách 2: hoàn thiện quy định về cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; bổ sung quy định về chức danh công nghệ và các ưu đãi kèm theo để tạo động lực cho đội ngũ cán bộ KH&CN.**

*2.1. Mục tiêu của chính sách*

Bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức danh nghề nghiệp; bổ sung các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân hoạt động KH&CN, làm rõ trách nhiệm của cá nhân trong nghiên cứu.

Bổ sung quy định về miễn trách nhiệm do trong một số trường hợp đối với tất cả cá nhân hoạt động KH&CN để tạo sự công bằng cho các nhà khoa học.

*2.2. Nội dung chính sách*

- Làm rõ khái niệm “nhà khoa học”, “nhà khoa học đầu ngành” đồng nghĩa với việc nâng cao vị thế của cá nhân người làm khoa học, có tác dụng động viên tinh thần nhà khoa học để động viên, khích lệ các nhà khoa học phát huy sáng tạo và đóng góp trí tuệ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước; bổ sung quy định tiêu chí, tiêu chuẩn nhà khoa học, vị trí, vai trò của nhà khoa học và các danh hiệu tôn vinh nhà khoa học.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chức danh khoa học, chức danh công nghệ; bổ sung chính sách ưu đãi nhà khoa học, các quy định liên quan đến đạo đức trong khoa học; quy định về trách nhiệm của cá nhân trong trường hợp nghiên cứu không đi đến kết quả dự kiến hoặc chưa được ứng dụng ngay trong thực tiễn để phù hợp với đặc thù trong hoạt động KH&CN.

***2.3. Giải pháp thực hiện***

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các điều sau đây của Luật KH&CN liên quan đến cá nhân hoạt động KH&CN để thực hiện các chính sách nêu trên:

a) Điều 19. Chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ

- Bổ sung quy định về các chức danh công nghệ để phù hợp với thực tiễn triển khai hoạt động KH&CN, bao gồm: “Trưởng nhóm nghiên cứu; Kỹ sư trưởng; Tổng công trình sư”.

- Bổ sung quy định tiêu chí, tiêu chuẩn nhà khoa học, vị trí, vai trò của nhà khoa học và các danh hiệu tôn vinh nhà khoa học.

b) Điều 20. Quyền của cá nhân hoạt động KH&CN:

- Bổ sung quy định về“quyền được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra thiệt hại, rủi ro cho tổ chức, cá nhân sau khi đã thực hiện đúng, đủ quy trình, quy định về thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và trong tình huống cấp bách, vì lợi ích cộng đồng” nhằm thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về bảo vệ và khuyến khích cán bộ khoa học mạnh dạn, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Thể chế hóa quan điểm chấp nhận tính rủi ro trong hoạt động KH&CN và trong các tình huống cấp bách, vì lợi ích của cộng đồng.

- Bổ sung quy định quyền được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực cho cá nhân hoạt động KH&CN.

c) Điều 21. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động KH&CN:

Bổ sung quy định về đạo đức khoa học hoặc liêm chính học thuật trong hoạt động KH&CN; bổ sung quy định về trách nhiệm liên quan đến giữ bí mật, bảo mật về dữ liệu, về hoạt động... trong quá trình hoạt động KH&CN; trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

d) Điều 22. Đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về KH&CN:

Bổ sung trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thực hiện đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về KH&CN để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ KH&CN phù hợp với hoạt động trong lĩnh vực cần cập nhật kiến thức và trí thức mới.

đ) Điều 23. Ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài KH&CN:

- Mở rộng phạm vi miễn trách nhiệm dân sự cho cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN nói chung, không chỉ cho “người được bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ”trong hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập.

- Bổ sung tiêu chí xác định “nhà khoa học đầu ngành” để thuận lợi trong quá trình thực thi các quy định ưu đãi đối với nhà khoa học đầu ngành; bổ sung ưu đãi đối với chức danh Trưởng nhóm nghiên cứu; Kỹ sư trưởng; Tổng công trình sư.

e) Điều 77. Danh hiệu vinh dự Nhà nước, khen thưởng và giải thưởng về khoa học và công nghệ

**3. Chính sách 3: hoàn thiện quy định về nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

*3.1. Mục tiêu của chính sách*

Hoàn thiện các quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương và trách nhiệm tiếp nhận, ứng dụng kết quả KH,CN&ĐMST; quy định về quyền tác giả, phân chia lợi nhuận thu được từ kết quả hoạt động KH&CN.

*3.2. Nội dung chính sách*

Sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của bộ, ngành, địa phương; trách nhiệm tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu.

***3.3. Giải pháp thực hiện***

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các điều sau đây của Luật KH&CN:

a) Điều 27. Thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về ký hợp đồng để các bộ, cơ quang ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định khoản 3 để nâng cao trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc báo cáo, cập nhật thông tin nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

b) Điều 30. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được giao trực tiếp:

- Bỏ quy định về việc giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN chỉ có một tổ chức thực hiện do không có đủ căn cứ xác định trong thực tiễn.

- Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN để hoàn thiện hành lang pháp lý.

c) Bổ sung một điều quy định về quy trình xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do tính chất khác biệt so với nhiệm vụ KH&CN.

d) Điều 33. Phân loại hợp đồng khoa học và công nghệ:

Bổ sung quy định về điều chỉnh nội dung hợp đồng KH&CN, chấm dứt hợp đồng KH&CN và giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết.

đ) Điều 37. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

Bổ sung thẩm quyền của các bộ, ngành đối với những trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN phức tạp vượt quá khả năng đánh giá của địa phương; sửa đổi, bổ sung quy định về đánh giá kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước; sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cần được công khai phù hợp với quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

e) Điều 39. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

Sửa đổi, bổ sung quy định khoản 3 để nâng cao trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương trong việc báo cáo, cập nhật thông tin nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

g) Điều 40. Trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 để thu thập được đầy đủ báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư của Nhà nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.

h) Điều 41. Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu KH&CN:

Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền sở hữu kết quả nghiên cứu trong trường hợp xác định được phần quyền sở hữu và trường hợp không tách bạch được phần quyền sở hữu.

i) Điều 42*.* Quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: làm rõ quy định về quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu.

k) Điều 43. Phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

- Quy định rõ phân chia lợi nhuận “sau thuế”.

- Bổ sung (làm rõ) phân chia lợi nhuận cho đối tượng tổ chức trung gian, tổ chức, cá nhân tham gia thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

l) Điều 46. Ứng dụng KH&CN trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội:

- Sửa đổi đối tượng thẩm định công nghệ phù hợp với quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

- Sửa đổi trình tự thẩm định công nghệ phù hợp với quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Đầu tư.

m) Điều 47*.* Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo: bổ sung các nội dung về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các khoản của Điều.

**4. Chính sách 4: sửa đổi, bổ sung quy định về đầu tư, tài chính phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

*4.1. Mục tiêu của chính sách*

Sửa đổi các quy định phù hợp với thực tiễn quản lý và bảo đảm các điều kiện để KH&CN đóng vai trò là quốc sách hàng đầu, có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, đóng góp ngày càng hiệu quả hơn vào tăng trưởng.

*4.2. Nội dung chính sách*

Bổ sung mục đích chi ngân sách nhà nước cho hoạt động ĐMST; đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động ĐMST; sửa đổi khái niệm về doanh nghiệp KH&CN; bổ sung quy định về phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; hoàn thiện chính sách ưu đãi với hai loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; sửa đổi quy định về phạm vi hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia; quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

***4.3. Giải pháp thực hiện***

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các điều sau đây của Luật KH&CN:

a) Điều 50. Mục đích chi ngân sách nhà nước cho KH&CN:

Bổ sung về chi của ngân sách nhà nước cho hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

b) Điều 56. Đầu tư của doanh nghiệp cho KH&CN:

Sửa tên Điều và nội dung Điều, bổ sung “đổi mới sáng tạo”.

c) Điều 58. Phát triển doanh nghiệp KH&CN:

- Sửa đổi, bổ sung khái niệm doanh nghiệp KH&CN.

- Bỏ quy định về điều kiện tỷ lệ doanh thu khi cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, thay thế bằng điều kiện “doanh nghiệp có phương án kinh doanh thương mại hóa kết quả khoa học và công nghệ”.

- Bổ sung quy định cụ thể về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp KH&CN.

d) Bổ sung một Điều về phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

đ) Điều 60. Quỹ phát triển KH&CN:

- Khoản 1: bỏ quy định “cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi để thực hiện việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống; bảo lãnh vốn vay đối với một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên biệt” để phù hợp với đối tượng tài trợ của Quỹ và nhiệm vụ này trùng với nhiệm vụ do Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia đang triển khai; bỏ quy định “hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế” do nội dung này nằm trong hoạt động nâng cao năng lực KH&CN quốc gia của Quỹ.

- Khoản 2: bổ sung như sau: “Nguồn kinh phí của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia *bao gồm* nguồn ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ *cấp hằng năm*; kết quả hoạt động của quỹ; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

Việc cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, sử dụng nguồn kinh phí của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia được thực hiện theo cơ chế đặc biệt phù hợp với đặc thù hoạt động nghiên cứu trong khoa học và công nghệ.”

- Khoản 3 bổ sung như sau: “Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động và *cơ chế tài chính đặc thù* của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia”.

e) Điều 63. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

Sửa đổi, bổ sung theo hướng khuyến khích doanh nghiệp trích Quỹ, mức trích tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp (không quy định mức tối thiểu và không phân biệt doanh nghiệp nhà nước hay doanh nghiệp ngoài nhà nước).

g) Điều 64. Chính sách thuế đối với hoạt động khoa học và công nghệ

- Sửa tên Điều bổ sung “đổi mới sáng tạo”.

- Bổ sung quy định về ưu đãi thuế và tín dụng cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

h) Điều 65.Chính sách tín dụng đối với hoạt động khoa học và công nghệ

- Bổ sung quy định về ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

- Bổ sung nội dung về việc hình thành Quỹ Đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm thống nhất với các văn bản quy phạm khác (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật chuyển giao công nghệ), đồng thời, bổ sung một số cơ chế, chính sách nhằm khơi thông nguồn vốn cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Bỏ quy định về vay vốn tại Ngân hàng thương mại vì theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước đã bãi bỏ quy định này. Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo dừng triển khai cơ chế bảo lãnh tín dụng qua ngân hàng phát triển.

i) Điều 68. Xây dựng, phát triển hạ tầng thông tin, thống kê khoa học,  
công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công  
nghệ

Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều để việc xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê KH&CN đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, phù hợp với các quy định hiện hành của Quốc hội (Luật An toàn thông tin mạng, Luật Tiếp cận thông tin).

**5. Chính sách 5: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

*5.1. Mục tiêu của chính sách*

Thể chế hóa các định hướng của Đảng, chính sách nhà nước về phát triển KH,CN&ĐMST.

- Tạo hành lang pháp lý cho thử nghiệm chính sách mới trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ.

*5.2. Nội dung chính sách*

Tạo điều kiện, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hoạt động ĐMST và xây dựng hệ thống ĐMST quốc gia.

***5.3. Giải pháp thực hiện***

a) Sửa đổi thuật ngữ “đổi mới sáng tạo”; bổ sung các thuật ngữ liên quan đến “đổi mới sáng tạo” vào Điều 3 và các Điều quy định chung về chính sách phát triển KH,CN&ĐMST.

b)Bổ sung quy định về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các khu dịch vụ tập trung, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại Chương VII: xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

**6. Chính sách 6: Hoàn thiện quy định về hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ**

***6.1 Mục tiêu của chính sách***

Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm đáp ứng yêu cầu, xu thế về hợp tác quốc tế đa phương về KH&CN; xu thế phát triển của KH&CN trên thế giới, xu hướng khoa học mở, ĐMST mở và sự liên kết, hợp tác xuyên ngành, xuyên lĩnh vực, xuyên quốc gia; chủ trương về hội nhập quốc tế nói chung, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH&CN nói riêng được đề cập tại nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước.

***6.2. Nội dung chính sách***

Sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc hội nhập quốc tế về KH&CN; hoàn thiện quy định về hoạt động KH&CN và biện pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH&CN.

***6.3 Giải pháp thực hiện***

a) Điều 70 về nguyên tắc hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

- Bổ sung nguyên tắc “*tham gia, đóng góp vào giải quyết các vấn đề chung về khoa học và công nghệ của khu vực và thế giới*” tại khoản 1 Điều 70.

- Bổ sung nguyên tắc bảo đảm cơ chế tài chính và ngân sách phục vụ cho các hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ tại khoản 2 Điều 70.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tranh thủ tối đa điều kiện, nguồn lực (thay vì chỉ có cơ hội) nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại khoản 4 Điều 70.

b) Điều 71 về hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

- Bổ sung hoạt động tham gia xây dựng, định hình các cơ chế hợp tác KH&CN khu vực và quốc tế tại khoản 1 Điều 71.

- Bổ sung hoạt động thành lập tổ chức hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mô hình tiên tiến của nước ngoài ở Việt Nam tại điểm c khoản 1 Điều 71.

- Bổ sung hoạt đông xây dựng và thực hiện các chương trình, hoạt động hội nhập quốc tế phục vụ phát triển KH&CN các khu vực, địa phương trong nước

c) Điều 72 về biện pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

Bổ sung biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức, nhóm nghiên cứu KH&CN đạt tiêu chuẩn khu vực, quốc tế tại khoản 4 Điều 72.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Về nguồn kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Luật sau khi được thông qua chủ yếu gồm: Kinh phí xây dựng văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, kinh phí bảo đảm tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (chi phí cho in ấn, thông tin đại chúng, phổ biến giáo dục pháp luật…); chi phí triển khai thi hành Luật và chi phí theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất.

Các chính sách nêu trên không phát sinh đáng kể chi phí cho quản lý nhà nước do không làm thay đổi cơ chế quản lý hiện hành (kinh phí và tổ chức, nhân lực cho các hoạt động quản lý trong các lĩnh vực quản lý về KH,CN&ĐMST). Do vậy, với điều kiện thực tế hiện nay về tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nguồn nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước KH&CN, doanh nghiệp và viện nghiên cứu, trường đại học cơ bản bảo đảm cho việc thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua, bảo đảm tính khả thi của chính sách.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA**

- Thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét cho ý kiến lần thứ nhất dự thảo luật: tháng 5/2025.

- Thời gian dự kiến Quốc hội xem xét thông qua dự thảo luật: tháng 10/2025.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(*Xin gửi kèm theo*: (i) Đề cương Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo đánh giá tác động dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN; (iii) Báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: TP, TC, KH&ĐT, NN&PTNT, CT, GTVT, XD, LĐTBXH, CA, QP, NG, NHNN, TC, VHTTDL, TTTT, YT, TNMT, GDĐT, NV; Viện HLKH&CNVN; Viện HLKHXHVN; ĐHQGHN; ĐHQGTPHCM (để p/h);  - Lưu: VT, PC. | BỘ TRƯỞNG **Huỳnh Thành Đạt** |

1. Tính đến hết tháng 8/2023, số văn bản do các bộ, ngành, địa phương ban hành về KH&CN là 594 văn bản. [↑](#footnote-ref-1)